TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1975;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ:, xã H, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:* Vào năm 2009 chị và anh Nguyễn Thanh T có sống chung với nhau, có tổ chức cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị C, sinh năm 2010. Tháng 11/2023

chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh T1 tại Tòa án, nhưng sau đó rút đơn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị C, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 có địa chỉ cư trú hiện nay tại xã H, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 vắng mặt, không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã

Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị T và anh T1 đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T lần thứ 02. Đồng thời theo xác nhận của Ủy ban nhân dân Tân Hội thì trong thời gian chung sống với nhau tại địa phương thì chị T và anh T1 có xãy ra mâu thuẩn về tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh T1 đúng quy định pháp luật, nhưng anh T1 không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình và để tham phiên hòa giải giữa anh và chị T, đều này cũng thể hiện ý chí của của anh T1 là không muốn đoàn tụ lại với chị T.

Từ những phân tích trên xét thấy giữa chị T và anh T1 không còn tình cảm với nhau, mâu thuẩn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị C, sinh năm 2010. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung C do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không vi phạm nghĩa vụ khi nuôi dưỡng con chung. Vì vậy nên giao con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung C là muốn được sống với mẹ.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 229, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị C, sinh năm 2010 cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001898 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- UBND xã Tân Hội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo